

Bản án số: **28/2025/ HNGĐ - ST**
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
*"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Duy Chính

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hạng Minh Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, Tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 77/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T (Hà Thị T1) sinh năm 1987. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Thôn D, xã H, tỉnh Thanh Hóa).

Bị đơn: Anh Bùi Huy T2, sinh năm 1988. *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường P, tỉnh Thái nguyên).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày: Tôi và anh Bùi Huy T2 kết hôn với nhau vào năm 2008 Đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm không còn. Hiện tại tôi và anh T2 đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được xin được ly hôn với anh T2 để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Tuệ M, sinh ngày 23/4/2010 và cháu Bùi Minh A, sinh ngày 18/9/2014. Khi ly hôn các cháu còn nhỏ nên chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi xin tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại 02 con đang ở cùng với tôi ở tỉnh Thanh Hoá từ trước cho đến nay. Anh T2 ít khi về thăm con và thường xuyên không có mặt tại gia đình. Tôi đảm bảo việc nuôi con vì tôi có nhà đất, thu nhập bình quân của tôi từ 10 đến 15 triệu đồng trên tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Bùi Huy T2: Tôi đăng ký kết hôn với bà Hà Thị T tên khác là Hà Thị T1 vào năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân từ năm 2015 đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn. Tôi nhất trí ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Tuệ M, sinh ngày 23/4/2010 và cháu Bùi Minh A, sinh ngày 18/9/2014. Khi ly hôn tôi nhất trí để chị T nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng tôi không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên anh T2 không có mặt tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ. Do đó phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được. Anh T2 nhất trí ly hôn và giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết, tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị T được ly hôn anh T2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu M và cháu A cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn trưởng thành, anh T2 được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết vì các bên không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình bị đơn có nơi cư trú tại tổ A, phường Q, thành phố T (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do nhà ở xa và hiện tại đang nuôi 02 con còn nhỏ. Anh T2 đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Bùi Huy T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008 là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do trong cuộc sống chung không hợp nhau và phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Tại phiên toà hôm nay anh T2 cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T2 là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bùi Tuệ M, sinh ngày 23/4/2010 và cháu Bùi Minh A, sinh ngày 18/9/2014. Chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung, chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con và từ trước đến nay 02 con vẫn đang ở cùng với chị ở Thanh Hoá, anh T2 thì thường xuyên vắng mặt tại gia đình. Tại phiên toà anh T2 nhất trí giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu M và cháu A là được ở với mẹ là chị T.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung cũng như điều kiện sống, sinh hoạt học tập của trẻ em và tránh những sáo trộn tâm lý, điều kiện học tập sinh hoạt của trẻ em, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu M và cháu A cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc cho đến khi có sự

thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T2 được quyền đi lại và thăm nom con chung theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu. Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Bùi Huy T2.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung là cháu Bùi Tuệ M, sinh ngày 23/4/2010 và cháu Bùi Minh A, sinh ngày 18/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T2 được quyền đi lại và thăm nom con chung và không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản và các khoản nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000331 ngày 22/7/2025 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, Thái Nguyên.

Về quyền kháng cáo: Báo cho anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *TAND tỉnh Thái Nguyên*
- *VKSND KV I - Thái Nguyên;*
- *Phòng THADS Khu vực I- Thái Nguyên;*
- *UBND xã H, tỉnh Thanh Hoá;*
- *Lưu hồ sơ.*
- *Lưu VP.*

VŨ DUY CHINH